

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 10 - 2020

V/v: Tranh chấp xin ly hôn và
xin cấp dưỡng nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Út.

2. Bà Trần Thị An.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2020/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp xin ly hôn và xin cấp dưỡng nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2020/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23/9/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29/9/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Danh Đ, sinh năm 1992.

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: ấp S, xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Chị Thị T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: số 361, tổ 4, khu phố B, phường P, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

3. Người phiên dịch cho bị đơn: Anh Lâm Văn Kh. Đang công tác tại UBND phường M, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/7/2020 và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn anh Danh Đ trình bày: Tôi và cô Thị T cưới nhau vào năm 2014; được cha mẹ đôi bên chấp thuận; có đăng ký kết hôn tại UBND phường P. Sau khi cưới lúc đầu vợ chồng chung sống có đầm ấm và hạnh phúc. Khoảng 03 năm nay vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do cô T cư xử bằng lời nói không được lòng mọi người; họ hàng bên vợ và bên chồng. Do cách cư xử của cô T như vậy tôi xét thấy không hòa hợp và khuyên bảo, tạo điều kiện nhiều lần nhưng không thay đổi; từ đó tôi và cô Thị T sống ly thân hơn 01 năm nay; không còn quan tâm tới nhau nữa. Tôi đã suy nghĩ kỹ và yêu cầu Tòa án xét cho tôi được ly hôn với cô Thị T.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 đứa con chung tên là Danh Thị Đoan T, sinh ngày 08/11/2017 - giới tính: nữ; hiện do cô T trực tiếp nuôi dưỡng; nếu được ly hôn tôi đồng ý để cô T tiếp tục nuôi con; tôi cấp dưỡng nuôi con chung cùng cô Thị T hàng tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi; được thi hành từ ngày 15/10/2020 trở đi.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và ai nợ lại, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/8/2020; biên bản hòa giải ngày 04/9/2020 và lời khai tại phiên tòa bị đơn chị Thị T trình bày: Tôi và anh Danh Đ cưới nhau vào năm 2014; được cha mẹ đôi bên chấp thuận; có đăng ký kết hôn tại UBND phường P. Sau khi cưới lúc đầu vợ chồng chung sống có đầm ấm và hạnh phúc. Khi tôi mang thai bé T được vài tháng thì anh Đ bắt đầu bỏ nhà đi không quan tâm đến vợ con và có dư luận cho là anh Đ đã và đang quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Việc anh Đ xin ly hôn tôi thì tôi không đồng ý, vì tôi không muốn để anh Đ có hạnh phúc với người khác. Trường hợp anh Đ có trở về tiếp tục chung sống lại với tôi thì giữa tôi và anh Đ cũng không có hạnh phúc, vì anh Đ không còn quan tâm đến vợ con. Từ khi cưới nhau đến nay anh Đ không có một thứ gì để tặng cho vợ làm kỷ niệm. Nếu anh Đ cương quyết và muốn tôi ký cho ly hôn thì phải chi trả cho tôi 400.000.000 đồng để trả nợ cho người khác.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 đứa con chung tên là Danh Thị Đoan T, sinh ngày 08/11/2017 - giới tính: nữ; hiện nay do tôi nuôi dưỡng; nếu xảy ra ly hôn tôi đồng ý trực tiếp nuôi con đến đủ 18 tuổi và thống nhất việc anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng 3.000.000 đồng. Hiện tại tôi không có mang thai, sinh con hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và ai nợ lại, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, tôi không có ý kiến gì thêm và không có yêu cầu phản tố.

Ý kiến thêm của anh Danh Đ: Việc Cô T yêu cầu chi trả 400.000.000 đồng là không thể đáp ứng được; tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Danh Đ được ly hôn đối với chị Thị T. Về con chung cần ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh Danh Đ và chị Thị T là giao cháu Danh Thị Đoan T, sinh ngày 08/11/2017 - giới tính: nữ cho chị Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận việc anh Danh Đ và chị Thị T đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 3.000.000 đồng; được thi hành sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Về tài sản chung và nợ chung không có và không tranh chấp, nên không phải giải quyết trong cùng vụ án. Buộc anh Danh Đ chịu án phí ly hôn và cấp dưỡng sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Việc anh Danh Đ tranh chấp xin ly hôn đối với chị Thị T có nơi cư trú tại khu phố B, phường P, thành phố P, tỉnh Kiên Giang; nên được xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Việc Tòa án tiến hành các trình tự thủ tục tố tụng về thụ lý vụ án; xem xét xác minh thu thập tài liệu chứng cứ và thông báo để các bên đương sự tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải đều được kịp thời và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đảm bảo sự có mặt tham gia xét xử của đại diện Viện kiểm sát và trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm. Không xem xét yêu cầu phản tố do bị đơn không có yêu cầu.

[3] Việc Tòa án hoãn phiên tòa để đưa người phiên dịch tiếng Khmer vào tham gia tố tụng trong vụ án theo yêu cầu của bị đơn là để đảm bảo quyền lợi cho đương sự và quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[4] Xét về quan hệ hôn nhân: Anh Danh Đ và chị Thị T tự nguyện thương yêu nhau trước; được cha mẹ đôi bên đồng ý, tổ chức lễ cưới và được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định, nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Qua chung sống anh chị có đầm ấm, hạnh phúc và trong thời gian khoảng hơn 03 năm nay anh chị phát sinh mâu thuẫn do tính tình không am hợp và bất đồng quan điểm. Theo anh Danh Đ trình bày là do cô T cư xử bằng lời nói không làm hài lòng họ hàng đôi bên và người khác; anh khuyên bảo và tạo điều kiện cho sửa đổi nhiều lần nhưng không được; từ đó anh chị quyết định sống ly thân hơn 01 năm nay. Trong thời gian ly thân anh có khởi kiện xin ly hôn chị T và

được Tòa án động viên, hòa giải anh Đ tự nguyện rút đơn nhưng sau đó trở về cũng không thể hàn gắn chung sống lại với nhau được hạnh phúc. Theo chị Thị T trình bày chị không đồng ý ly hôn anh Đ là do không muốn anh Đ được hạnh phúc với người khác. Trường hợp anh chị có đoàn tụ trở về tiếp tục chung sống lại với nhau cũng không có hạnh phúc, vì anh Đ không còn quan tâm đến vợ con. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Thị T cho rằng anh Danh Đ muốn được chị ký cho ly hôn thì phải bù đắp đời con gái cho chị 400.000.000 đồng; còn tại phiên tòa lại khai nại là do thiếu nợ người khác nên đòi anh Đ phải trả 400.000.000 đồng để trả nợ nhưng không khai rõ họ tên, địa chỉ. Ý kiến của anh Danh Đ là không chấp nhận lời khai nại và yêu cầu của chị Thị T, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét giải quyết. Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử tiếp tục động viên hòa giải đoàn tụ nhưng anh Danh Đ vẫn cương quyết xin ly hôn chị Thị T. Qua thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm giữa anh Danh Đ và chị Thị T không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần giải quyết cho anh Danh Đ được ly hôn đối với chị Thị T.

[5] Về con chung: Anh Danh Đ và chị Thị T trình bày có 01 con chung là cháu Danh Thị Đoan T, sinh ngày 08/11/2017 - giới tính: nữ. Hiện nay cháu đang chung sống với chị Thị T; anh Danh Đ vẫn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi dưỡng con chung cùng chị Thị T. Tại phiên Tòa anh chị hoàn toàn thống nhất để chị Thị T trực tiếp nuôi cháu T đến đủ 18 tuổi, thỏa thuận mức cấp dưỡng hàng tháng 3.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Danh Đ và chị Thị T trình bày không có tài sản chung, nợ chung và không tranh chấp, yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

[7] Về án phí: Anh Danh Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình và án phí cấp dưỡng sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Danh Đ được ly hôn đối với chị Thị T.

2. Về con chung:

- Ghi nhận việc anh Danh Đ và chị Thị T đồng ý giao cháu Danh Thị Đoan T, sinh ngày 08/11/2017 - giới tính: nữ cho chị Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi.

- Ghi nhận việc anh Danh Đ và chị Thị T thống nhất để anh Danh Đ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Danh Thị Đoan T cùng chị Thị T hàng tháng là

3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) cho đến khi cháu Trang tròn 18 tuổi. Được thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Anh Danh Đ và các thành viên trong gia đình phải tôn trọng quyền được trực tiếp nuôi con chung là cháu Danh Thị Đoan T của chị Thị T.

- Chị Thị T và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Danh Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Danh Thị Đoan T.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Danh Đ và chị Thị T trình bày không có tài sản chung, nợ chung và không tranh chấp, yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Danh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng; tổng cộng là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng). Anh Danh Đ đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003759 ngày 31/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang anh Danh Đ còn phải nộp thêm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện KSND thành phố Hà Tiên;
- Chi cục THADS TP. Hà Tiên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Huỳnh Văn Vân